

GETTING STARTED UNIT 9 SGK TIẾNG ANH 9

1 Listen and read (Nghe và đọc)

Bài nghe

"She's been a bit tense lately..."

Amelie: Hi Phuoc! Where's Mai? Isn't she coming?

Phuc: She said she was too tired and didn't want to go out. She's been staying up late studying for the exam.



Nick: Does she need to be that stressed out?

Phuc: Maybe not. But my parents always expect her to get good grades and she doesn't want to disappoint them. They want her to go to a top college and study medicine.

Amelie: Really? She told me she wanted to be a designer...

Phuc: Yes, that's why she's been a bit tense lately. She doesn't know what to do. My parents said design graduates wouldn't find jobs easily and they wanted her to get a medical degree.

Amelie: Oh, I understand. Sometimes I wish my parents could put themselves in my shoes...

Nick: Anyway, Mai needs to take a break. I'll call and ask her if she wants to go and see a film with us tomorrow.

Phuc: Oh, I doubt it... She's already fully booked for the weekend with her maths class, English class, judo class, and music lesson!

Hướng dẫn dịch

Giáo viên: Chào mừng đến với câu lạc bộ tiếng Anh. Hôm nay, tôi sẽ làm một câu đố nhanh để kiểm tra kiến thức của các bạn về tiếng Anh. Câu hỏi thứ nhất: Có phải tiếng Anh là ngôn ngữ được nói đầu tiên bởi hầu hết mọi người trên thế giới không?

Dương: Tất nhiên rồi ạ.

Giáo viên: Không đúng. Là tiếng Trung Quốc. Câu hỏi thứ 2: Có phải tiếng Anh là ngôn ngữ rộng rãi nhất không?

Vy: Vâng, với xấp xỉ 500.000 từ và 300.000 thuật ngữ kỹ thuật.

Giáo viên: Đúng rồi, chính xác! Đó là bởi vì sự cởi mở của tiếng Anh. Tiếng Anh được mượn từ nhiều ngôn ngữ khác.

Dương: Ô! Nếu không có quá nhiều từ, nó sẽ dễ dàng hơn để chúng ta nắm bắt nó!

Giáo viên: Ha ha... nhưng hình thái đơn giản làm cho tiếng Anh dễ học. Nhiều từ trong tiếng Anh đã được đơn giản hóa qua nhiều thế kỉ. Bây giờ là câu hỏi thứ 3: Ai có thể nói cho tôi biết một từ tiếng Anh có tác dụng như một danh từ, một động từ và một tính từ?

Mai: Em nghĩ từ subject có tác dụng như một danh từ, một động từ và một tính từ a.

Giáo viên: Xuất sắc. Trong tiếng Anh, từ tương tự có thể có tác dụng như nhiều phần của bài nói. Điều đó làm cho nó linh động. Câu hỏi thứ 4: Từ dài nhất trong tiếng Anh chỉ có một nguyên âm là gì?

Dương: Có phải là length không?

Vy: Không, mình nghĩ đó là strengths.

Giáo viên: Đúng rồi, Vy. Cuối cùng, câu hỏi 5: Ai có thể nói tôi biết ít nhất 3 sự đa dạng của tiếng Anh?

Mai: Tiếng Anh của người Mỹ, tiếng Anh của người Úc và... er, vâng tiếng Anh của người Ấn Độ.

a. Read the conversation again and find the nouns (Đọc đoạn hội thoại lần nữa và tìm danh từ của tính từ "đơn giản" và "linh động")

Hướng dẫn giải

Adjective	Noun
Simple	Simplicity
Flexible	Flexibility

b. Convert these adjectives into nouns. You may use a dictionary. (Chuyển các tính từ thành danh từ. Bạn có thể sử dụng từ điển.)

Adjective	Noun
sad	sadness
dark	_____
stupid	_____
popular	_____
happy	_____
punctual	_____

Hướng dẫn giải

Adjective	Noun
dark	darkness
stupid	stupidity
popular	popularity
happy	happiness
punctual	punctuality

c. Read the conversation again and choose the correct answers. (*Đọc đoạn hội thoại lần nữa và chọn đáp án đúng.*)

1. Which language is most spoken as a first language in the world?

A. English B. Chinese C. Vietnamese

2. English has about _____ words and technical terms.

A. 500,000 B. 300,000 C. 800,000

3. The _____ of form makes English easy to learn.

A simplicity B. flexibility C. openness

4. One of the reasons why the vocabulary of English is open is that it has _____ .

A. a lot of words B. many varieties C. borrowed many words

5. Some English verbs are _____ their nouns or adjectives.

A. very different B.the same as C. from changed according to

Hướng dẫn giải

1.B	2.C	3.A	4.C	5.B
-----	-----	-----	-----	-----

2. Match the words/phrases in column A with the definitions in column B. (Nói từ, cụm từ trong cột A với định nghĩa trong cột B.)

A	B
1. first language	A. a way of pronouncing the words of a language that shows which country or area a person comes from
2. second language	B. this language is generally used in the government, public administration, law and the education system
3. official language	C. the language that you learn to speak from birth
4. accent	D. a regional form of a language in which some words and grammar differ slightly from the standard form of the same language
5. dialect	E. a language that you learn to speak well and that you use for work or at school, but that is not the language you learned first at home

Hướng dẫn giải

1-c	2-e	3-b	4-a	5-d
-----	-----	-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch

1. Ngôn ngữ đầu tiên = ngôn ngữ mà bạn học nói từ lúc sinh ra.
2. Ngôn ngữ thứ hai = ngôn ngữ bạn học nói thành thạo, bạn dùng trong công việc hoặc ở trường, không phải học đầu tiên ở quê nhà.
3. Ngôn ngữ chính thức = ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong hệ thống chính phủ, cơ quan pháp luật và giáo dục.
4. Chất giọng = cách phát âm của các từ ngữ mà qua đó mọi người biết bạn đến từ đất nước và vùng miền nào.

5. Từ địa phương = ngôn ngữ đặc trưng của một vùng miền và từ ngữ và ngữ pháp hơi khác so với ngôn ngữ chuẩn.

3. Match the beginning of each sentence (1-6) to its ending (a-f). (Nói phần mở đầu của mỗi câu (1-6) với kết thúc của nó (a-f))

A	B
1. English is	A. learning English worldwide.
2. The British Council estimates that about 375 million people speak	B. all contributed to the growth of English.
3. At present, over a billion people are	C. English regularly as a second language.
4. Immigration, new technologies, popular culture and even war have	D. though all can be understood, more or less, by speakers of other varieties.
5. Nowadays, there are many varieties of English all over the world such as	E. British English, American English, Australian English, Indian English, etc.
6. There are many differences in accents and dialects between varieties of English	F. used as a first language in at least 75 countries around the world.

Hướng dẫn giải

1-f	2-c	3-a	4-b	5-e	6-d
-----	-----	-----	-----	-----	-----

Hướng dẫn dịch

1. Tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ tại ít nhất 75 quốc gia trên thế giới.
2. Hội đồng Anh ước tính rằng có khoảng 375 triệu người nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai.
3. Hiện tại hơn 1 tỷ người đang học tiếng Anh trên khắp thế giới.
4. Sự di cư, công nghệ mới, văn hóa chung và thậm chí là chiến tranh đã đóng góp vào sự phát triển của tiếng Anh.
5. Ngày nay có nhiều biến thể của tiếng Anh trên khắp thế giới chẳng hạn như Anh Anh, Anh Úc, Anh Mỹ, Anh Ấn,...
6. Có nhiều sự khác nhau về chất giọng và ngôn ngữ địa phương giữa các biến thể tiếng Anh mặc dù tất cả đều được hiểu ít hay nhiều bởi người nói của các biến thể.

4. Work in pairs. Ask and answer questions about the English language using the information from 3. (Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời các câu hỏi về: Ngôn ngữ Tiếng Anh sử dụng thông tin từ câu 3)

Hướng dẫn giải

A: How many people speak English regularly as a second language?

B: The British Council estimates that about 375 million people.

A: How many people are learning English worldwide?

B: At present, over a billion people are.

A: What are the varieties of English all over the world?

B: There are British English, American English, Australian English, Indian English and so on.